

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 280/2017/HS-ST

Ngày: 22-12-2017

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thanh Thủy

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Tấn Tài – Giáo viên Trường tiểu học Phan Chu Trinh;

Ông Nguyễn Đức Nhuận – Cán bộ nghỉ hưu.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đặng Thị Thu Hiền, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Ông Trần Thanh An - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 285/2017/TLST-HS ngày 29 tháng 11 năm 2017 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 323/2017/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 12 năm 2017 đối với các bị cáo:

1. Nguyễn Văn D, sinh ngày 05/01/1999 tại tỉnh H; nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đ; chỗ ở: Tổ 1, khu phố T1, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa: 9/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975 và bà Lương Thị H1, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị bắt, tạm giam ngày 18/12/2017.

2. Nguyễn Văn S, sinh ngày 12/02/2000 tại tỉnh H (Đến ngày thực hiện hành vi phạm tội bị cáo 17 tuổi 03 tháng 23 ngày); nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đ; chỗ ở: Tổ 1, khu phố T1, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Học sinh; trình độ văn hóa: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1975 và bà Lương Thị H1, sinh năm 1980; bị cáo chưa có vợ, con; tiền sự: Không; tiền án: Không; bị cáo được tại ngoại.

- Người đại diện hợp pháp của bị cáo Nguyễn Văn S: Bà Lương Thị H, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đ; chỗ ở: Tổ 1, khu phố

T1, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương (đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan). Có mặt

- *Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn Sỹ*: Ông Nguyễn Thành N, Luật sư của Văn phòng luật sư ASL thuộc Đoàn luật sư tỉnh Bình Dương. Có mặt.

- *Bị hại*: Ông Huỳnh Văn T2, sinh năm 1994; trú tại: Ấp V, xã C, thị xã T3, tỉnh A. Có mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. Bà Lương Thị H1, sinh năm 1980; nơi cư trú: Ấp T, xã X, huyện L, tỉnh Đ; chỗ ở: Tổ 1, khu phố T1, phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương. Có mặt.

2. Ông Nguyễn Tiến D, sinh năm 1981; nơi cư trú: 386 Nguyễn Trọng Tuyển, phường X, quận Y, Thành phố C; tạm trú: Số 13, đường Nguyễn Ái Quốc, phường T, thành phố B, tỉnh Đ. Vắng mặt.

3. Ông Lại Thanh M, sinh năm 1984; trú tại: Ấp B, xã B1, huyện B3, tỉnh Đ. Vắng mặt.

- *Người làm chứng*: Ông Bùi Trung T, sinh năm 1961; trú tại: 8/1/9 khu phố Đ, phường B1, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Nguyễn Văn D là công nhân trong Công ty giày Thái Bình thuộc khu phố Đ1, phường E, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương. Do không có tiền tiêu xài nên D nảy sinh ý định trộm xe mô tô của công nhân khác gửi trong nhà giữ xe của công ty bán lấy tiền tiêu xài. Tối ngày 04/6/2017 D rủ và bàn bạc với Nguyễn Văn S (là em ruột của D) sáng ngày 05/6/2017 vào Công ty giày Thái Bình trộm xe mô tô thì S đồng ý. Đến 06 giờ 30 phút ngày 05/6/2017, D điều khiển xe mô tô biển số 60AK-030.79 chở S đến khu vực chợ A, thị xã Thuận An mua 01 chiếc xe đạp cũ màu trắng bạc (giống kiểu dáng Martin) với giá 300.000 đồng đưa cho S chạy, còn D điều khiển xe mô tô biển số 60AK-030.79, cả hai cùng chạy đến Công ty giày Thái Bình. Khi đến nơi, cả hai vào gửi xe tại nhà giữ xe của Công ty, D được bảo vệ ghi và đưa thẻ giữ xe mô tô biển số 60AK-030.79 số 1165, S lấy số thẻ xe đạp số 144, cả hai đi ra ngoài cổng Công ty, D sử dụng giấy và băng keo trong để dán mất chữ “xe đạp” ghi trên thẻ giữ xe số 144 rồi đưa cho S cầm. Sau đó, cả hai quay lại nhà để xe, S đi lại vị trí xe mô tô 60AK-030.79 của D, S dùng tay xóa số mà bảo vệ đã ghi trước rồi dùng phấn đã chuẩn bị trước ghi lại số 144 và đẩy xe này ra ngoài. Còn D đi lên lầu nhà để xe của công nhân nhìn thấy chiếc xe Exciter 150 màu trắng đỏ, biển số 67H1-321.53 của Huỳnh Văn T2, D liền đi đến dùng tay xóa số 1288 được ghi trên xe rồi dùng phấn đã chuẩn bị trước ghi lại số 1165 và đẩy xe này ra ngoài cổng. Cả hai đẩy xe đến cổng Công ty thì bị bảo vệ phát hiện báo Công an phường E đến bắt giữ cùng tang vật.

Tang vật thu giữ gồm 01 chiếc xe mô tô biển số 67H1-321.53, nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu trắng đỏ kèm theo giấy bán xe ngày 03/6/2016; 01 chiếc xe mô tô 60AK-030.79 nhãn hiệu Halim-Krea, màu đỏ đen; 03 thẻ giữ xe gồm số 1165, số 144 và số 1288 có đóng mộc màu xanh hai mặt có chữ ký TBS Group Đội bảo vệ; 01 chiếc xe đạp kiểu dáng Martin màu trắng bạc.

Theo Biên bản định giá tài sản và Kết luận định giá tài sản ngày 20/6/2017 của Hội đồng định giá trong tổ tụng hình sự thị xã Thuận An xác định 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu trắng đỏ biển số 67H1-321.53 trị giá 45.000.000 (bốn mươi lăm triệu) đồng.

Tại Cáo trạng số 02/QĐ-KSĐT ngày 28/11/2017 của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương đã truy tố Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn S về tội Trộm cắp tài sản theo Khoản 1 Điều 138 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, trong phần tranh luận giữ nguyên quyết định truy tố theo toàn bộ nội cáo trạng đã nêu, đồng thời đánh giá tính chất mức độ, hậu quả hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46, Điểm n Khoản 1 Điều 48, Điều 53 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn D từ 15 tháng đến 20 tháng tù; áp dụng Khoản 1 Điều 138, Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46, Điều 53, Điều 69, khoản 1 Điều 74 và Điều 60 Bộ luật Hình sự, xử phạt Nguyễn Văn S từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng.

Và đề nghị tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) thẻ giữ xe có đóng mộc màu xanh hai mặt có chữ ký TBS Group Đội bảo vệ gồm số 1165, số 144 và số 1288; tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xe đạp kiểu dáng Martin màu trắng bạc.

Người bào chữa cho bị cáo Nguyễn Văn S thống nhất về tội danh, các tình tiết giảm nhẹ quy định tại các điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự mà Viện kiểm sát nhân dân thị xã Thuận An đề nghị đối với bị cáo S. Mặt khác, bị cáo S khi phạm tội chưa đủ 18 tuổi, tham gia với vai trò thứ yếu, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và đang đi học tại Trung tâm giáo dục thường xuyên thị xã D, tỉnh Bình Dương nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm Khoản 2 Điều 46, Điều 31 và Điều 73 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo cải tạo không giam giữ nhằm tạo điều kiện cho bị cáo học tập và trở thành công dân tốt có ích cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Trong các giai đoạn tố tụng từ khi khởi tố vụ án cho đến khi kết thúc việc truy tố, các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, cán bộ điều tra, Kiểm sát viên đều thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo

không khiêu nại, tố cáo về các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

[2] Về nội dung: Tại phiên tòa, các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn S đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nội dung bản cáo trạng. Lời khai của các bị cáo phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của bị hại, người làm chứng và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do vậy, đã có đủ cơ sở kết luận: Vào ngày 05/6/2017, tại nhà xe của Công ty giày Thái Bình thuộc khu phố Đ1, phường E, thị xã Thuận An, tỉnh Bình Dương, Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn S cùng nhau bàn bạc, lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu trắng đỏ, biển số 67H1-321.53 của Huỳnh Văn T2 thì bị phát hiện, bắt giữ.

Hành vi của các bị cáo lợi dụng sự sơ hở của nhân viên bảo vệ công ty giày Thái Bình, lén lút chiếm đoạt chiếc xe mô tô biển số 67H1-321.53 trị giá 45.000.000 đồng đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản. Cáo trạng truy tố các bị cáo là có căn cứ và đúng pháp luật.

[3] Tính chất, mức độ của hành vi: Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của bị hại, gây mất trật tự trị an tại địa phương. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý bởi lẽ về nhận thức, các bị cáo biết rõ hành vi chiếm đoạt tài sản người khác trái phép là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tham lam, tư lợi nên các bị cáo vẫn thực hiện. Vì vậy, cần xử phạt các bị cáo mức án nghiêm khắc để cải tạo, giáo dục bị cáo và có tác dụng đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Về đồng phạm: Vụ án mang tính chất đồng phạm giản đơn, trong đó bị cáo Nguyễn Văn D là người rủ rê, đồng thời là người thực hành tích cực; bị cáo Nguyễn Văn S là đồng phạm với vai trò là người giúp sức cho bị cáo D chiếm đoạt tài sản của bị hại nên mức hình phạt của bị cáo D cao hơn bị cáo S.

[5] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo D rủ rê bị cáo S phạm tội khi bị cáo S chưa đủ 18 tuổi thuộc trường hợp xúi giục người chưa thành niên phạm tội là tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại Điểm n Khoản 1 Điều 48 Bộ luật Hình sự.

Bị cáo S phạm tội không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[6] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, có thái độ ăn năn hối cải; phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; tài sản chiếm đoạt đã được thu hồi và trả lại cho bị hại; người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo nên áp dụng các Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Riêng bị cáo S phạm tội khi mới 17 tuổi 03 tháng 23 ngày, nhận thức pháp luật bị hạn chế nên áp dụng Điều 69, Khoản 1 Điều 74 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo.

Xét bị cáo S có nhiều tình tiết giảm nhẹ, có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, việc không cách ly bị cáo ra khỏi xã hội không gây nguy hiểm cho xã hội nên áp dụng Điều 60 Bộ luật Hình sự cho bị cáo S hưởng án treo, giao cho chính quyền địa phương nơi cư trú giám sát giáo dục. LỜI đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ, đúng pháp luật nên được chấp nhận.

LỜI đề nghị của người bào chữa cho bị cáo Sỹ tại phiên tòa là chưa phù hợp, chưa đủ tính chất răn đe, giáo dục bị cáo nên không chấp nhận.

[7] Về xử lý vật chứng:

Tài sản các bị cáo chiếm đoạt là chiếc xe mô tô biển số 67H1-321.53, nhãn hiệu Yamaha Exciter 150 màu trắng đỏ, quá trình điều tra Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thị xã Thuận An đã trả lại cho bị hại là ông Huỳnh Văn T2. Ông T2 không có yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét.

01 chiếc xe mô tô 60AK-030.79 nhãn hiệu Halim-Krea, màu đỏ đen do ông Lại Thanh M đứng tên đăng ký chủ sở hữu và giấy bán xe ngày 03/6/2016, quá trình điều tra xác định chiếc xe này ông Minh đã chuyển nhượng cho ông Nguyễn Tiến D và ông D tiếp tục chuyển nhượng lại cho bà Lương Thị H1 (là mẹ ruột của bị cáo D) nhưng chưa làm thủ tục sang tên. Về ý thức, khi giao xe cho các bị cáo sử dụng bà không biết các bị cáo sử dụng chiếc xe để đi thực hiện hành vi phạm tội nên cơ quan cảnh sát điều tra công an thị xã Thuận An đã trả lại chiếc xe và giấy bán xe ngày 03/6/2016 cho bà H1 là đúng quy định của pháp luật.

03 (ba) thẻ giữ xe có đóng mộc màu xanh hai mặt có chữ ký TBS Group Đội bảo vệ gồm số 1165, số 144 và số 1288 do ông Bùi Trung T làm để giữ xe, không yêu cầu nhận lại nên sẽ tịch thu tiêu hủy.

01 (một) chiếc xe đạp kiểu dáng Martin màu trắng bạc, đây là tài sản do bị cáo D và bị cáo S mua để sử dụng làm phương tiện phạm tội nên sẽ tịch thu, sung quỹ Nhà nước.

Đối với viên phấn mà các bị cáo sử dụng thực hiện phạm tội, quá trình điều tra không thu hồi được nên không đề cập xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo phạm tội và bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 138; Điểm g, h, p Khoản 1 Điều 46, Khoản 2 Điều 46; Điểm n Khoản 1 Điều 48; Điều 53 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn D,

- Khoản 1 Điều 138; Điều g, h, p Khoản 1 Điều 46; Khoản 2 Điều 46; Điều 53; Điều 69; Khoản 1 Điều 74 và Điều 60 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Nguyễn Văn S,

- Khoản 2 Điều 76 Bộ luật Tố tụng hình sự, Khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự,

- Điều 99 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về trách nhiệm hình sự:

Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn S phạm tội trộm cắp tài sản.

Xử phạt: Nguyễn Văn D 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2017.

Xử phạt: Nguyễn Văn S 09 (chín) tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách 18 (mười tám) tháng kể từ ngày tuyên án.

Giao bị cáo Nguyễn Văn S cho Ủy ban nhân dân phường B, thị xã D, tỉnh Bình Dương giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại Khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự.

2. Về xử lý vật chứng:

- Tịch thu, tiêu hủy 03 (ba) thẻ giữ xe có đóng mộc màu xanh hai mặt có chữ ký TBS Group Đội bảo vệ gồm số 1165, số 144 và số 1288.

- Tịch thu, sung quỹ Nhà nước 01 (một) chiếc xe đạp kiểu dáng Martin màu trắng bạc.

(Theo biên bản về việc giao nhận vật chứng, tài sản ngày 28/11/2017)

3. Về án phí:

Các bị cáo Nguyễn Văn D và Nguyễn Văn S, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo Sỹ, người bào chữa cho bị cáo Sỹ, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thị xã Thuận An;
- Chi cục THADS thị xã Thuận An;
- Công an thị xã Thuận An;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Chánh án (để báo cáo);
- Bị cáo, người ĐDHP của bị cáo;
- Bị hại; người có QL&NVLQ;
- Lưu: HS, THAHS, AV.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Hồ Thanh Thủy